TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI
PHÒNG ĐBCL &TT

Số: 122/BC-ĐBCL&TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT TRIỂN KHAI LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI ĐÁNH GIÁ KHÓA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỚC KHI TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2021 - 2022

Kính gửi: - Ban Giám hiệu
- Trưởng các đơn vị Khoa, Trung tâm

Căn cứ Quyết định số 806/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành quy định về công tác Đảm bảo chất lượng đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội;

Quyết định số 413/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc ban hành Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan;

Thực hiện Kế hoạch số 543/KH-ĐHSPTDTTHN ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội về việc tổ chức lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan năm học 2021 – 2022;

Thực hiện Kế hoạch số 05/KH-ĐBCL&TT ngày 2 tháng 4 năm 2022 về việc lấy ý kiến khảo sát sinh viên trước khi tốt nghiệp K14 ĐHLTCQ, K15 LT từ CĐ lên ĐH (VLVH) và K51 ĐHCQ niên khóa 2018-2022;

Phòng ĐBCL&TT đã triển khai lấy ý kiến phản hồi đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp năm học 2021 - 2022 qua tổng hợp kết quả như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Mục đích khảo sát

- Góp phần thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường; công khai minh bạch trong tổ chức và quản lý đào tạo;

- Tạo nên kênh thông tin giúp Hiệu trưởng các cấp quản lý lãnh đạo các đơn vị trong trường có cơ sở để nhận xét đánh giá và có kế hoạch bồi dưỡng giảng viên;

- Đảm bảo lợi ích cho người học, tạo điều kiện để người học phản ánh tâm tư nguyện vọng được thể hiện ý kiến của mình về chất lượng Chương trình đào tạo của nhà trường, chất lượng đội ngũ giảng viên, về cơ sở vật chất và thái độ phục vụ của

cán bộ hỗ trợ đào tạo các phòng/ ban;

2. Đối tượng, phạm vi khảo sát:

- Đối tượng khảo sát: K51 đại học chính quy

- Phạm vi lấy ý kiến khảo sát: Tất cả sinh viên chuẩn bị nhận bằng tốt nghiệp.

3. Tổ chức thực hiện

- ***Thời gian thực hiện:*** Tháng 06/2022

- ***Công cụ khảo sát:*** Theo mẫu phiếu khảo sát **(Phụ lục 1)**

- ***Nội dung khảo sát:*** - Bộ câu hỏi khảo sát được đánh giá với các nội dung chính là:

a) Chương trình đào tạo (gồm 7 tiêu chí);

b) Đội ngũ giảng viên (gồm 4 tiêu chí);

c) Tổ chức quản lý phục vụ đào tạo (gồm 10 tiêu chí);

d) Kiểm tra đánh giá (gồm 4 tiêu chí);

e) Cơ sở vật chất(gồm 5 tiêu chí);

f) Công tác tài chính (gồm 2 tiêu chí);

g) Đội ngũ CBQL, NV và KTV của trường (gồm 6 tiêu chí);

h) Đánh giá chung về khóa học (gồm 3 tiêu chí)

4. Phương pháp thực hiện và xử lý kết quả

- Trực tuyến bằng phần mềm Google docs.

- Kết quả đánh giá của người học thể hiện ở 5 mức độ: ***5-Rất tốt, 4-Tốt, 3-Khá, 2-Yếu, 1- Kém.*** Điểm Trung bình chung được chia thành 5 cấp độ cho từng tiêu chí theo các khoảng điểm như sau:

Khoảng điểm	Từ 4,21 đến ≤ 5	Từ 3,41 đến ≤ 4,20	Từ 2,61 đến ≤ 3,40	Từ 1,81 đến ≤ 2,60	Từ 1,0 đến ≤ 1,80
Phân loại	**Rất tốt**	**Tốt**	**Khá**	**Yếu**	**Kém**

- Tỷ lệ đánh giá hài lòng là tổng số ý kiến " Rất tốt","Tốt"/tổng số ý kiến; Tỷ lệ đánh giá bình thường là tổng số ý kiến " Khá" và " Yếu"/tổng số ý kiến; Tỷ lệ đánh giá không hài lòng là tổng số ý kiên " Kém" /tổng số ý kiến;

- Viết báo cáo kết quả sau khi có kết quả tổng hợp;

II. KẾT QUẢ

1. Kết quả tổng hợp phiếu

Trong năm học vừa qua nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp K14 ĐHLT chính quy năm học 2021-2022 kết quả thu được như sau:

Tổng số phiếu khảo sát thu được là: 95 phiếu

- Số phiếu hợp lệ: 95 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ: không có

Sau khi triển khai thực hiện, kết quả thu được như sau:

STT	Khóa	Lớp chuyên sâu	Tổng số sinh viên năm cuối	Tổng số sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp	Tổng số sinh viên trước khi tốt nghiệp tham gia khảo sát	Tỷ lệ %
1	K51 ĐHCQ	Điền kinh A	13	12	12	**100**
2		Điền kinh B	15	15	8	**53,3**
3		Bóng đá	12	5	3	**60,0**
4		Bóng bàn	5	4	4	**100**
5		Thể dục A	10	10	8	**80,0**
6		Thể dục B	8	8	8	**100**
7		Võ A + B	13	11	11	**100**
8		Bóng chuyền A	12	6	5	**83,3**
9		Bóng chuyền B	7	7	7	**100**
10		Bơi A	12	10	7	**70,0**
11		Bơi B	11	7	7	**100**
12		Bóng rổ	7	4	3	**75,0**
13		Cầu lông	14	12	12	**100**
Tổng cộng			**139**	**111**	**95**	**85,5**

Tổng số sinh viên K51 đại học chính quy trước khi tốt nghiệp năm cuối của năm học 2021 - 2022 là: 139 sinh viên.

Tổng số sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp là: 111 sinh viên.

Tỷ lệ sinh viên trước khi tốt nghiệp tham gia đánh giá trên tổng số sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp là: 85,5 %

Kết quả được thống kê ở **(Phụ lục 2)**

2. Kết quả đánh giá

2.1.Điểm đánh giá

+ Về chương trình đào tạo: Kết quả khảo sát 7/7 tiêu chí được sinh viên đánh giá ở mức tốt từ 4,2/5 điểm đến 4,3/5 điểm. Mục tiêu của chương trình đào tạo giúp người học nắm vững đầy đủ những kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra, để đảm bảo mục tiêu học tập gắn với trình độ đào tạo cụ thể phải đạt được của người học khi tốt nghiệp.

+ Về đội ngũ giảng viên: Kết quả khảo sát cho thấy có 4/4 tiêu chí được đánh giá ở mức tốt từ 4,3/5 điểm đến 4,5/5 điểm. Để đáp ứng nhu cầu xã hội trong bối cảnh hiện nay đội ngũ giảng viên cần nâng cao trình độ cả về số lượng và chất lượng, cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phương pháp dạy và học, một bộ phận giảng viên còn yếu, phương pháp giảng dạy chậm đổi mới, chưa đáp ứng được yêu cầu dạy và học theo định hướng phát triển năng lực. Khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong quản lý, dạy và học của nhiều giảng viên còn hạn chế.

+ Về tổ chức quản lý và phục vụ đào tạo: Kết quả khảo sát 10/10 tiêu chí cho thấy Nhà trường cung cấp đầy đủ thông tin về quy chế đào tạo, quy chế học sinh sinh viên, các thông tin về hoạt động đào tạo đa dạng, phong phú cập nhật thường xuyên trên Website nhà trường, các chế độ chính sách cần quan tâm sâu rộng hơn nữa như việc chi trả tiền trợ cấp hàng tháng để sinh viên có tiền sinh hoạt, tiền học bổng thanh toán theo từng học kỳ không nên kéo dài, các chế độ chăm sóc sức khỏe, y tế học đường cần được cải thiện hơn. Tiêu chí này được sinh viên đánh giá ở mức tốt từ 4,2/5 điểm đến 4,4/5 điểm.

+ Về kiểm tra đánh giá: Qua kết quả khảo sát 4/4 tiêu chí được đánh giá cho thấy tất cả các học phần trong chương trình đào tạo được sinh viên đánh giá ở mức tốt từ 4,2/5- 4,3/5 điểm. Các kế hoạch thi, kiểm tra được thông rõ ràng, kịp thời cho sinh viên, cũng có một số sinh viên có ý kiến nên hạn chế thay đổi lịch học, lịch thi lại, thời khóa biểu tránh chồng chéo cần thông báo sớm hơn khi có lịch thay đổi để các e chủ động trong việc ôn thi.

+ Về cơ sở vật chất: Tiêu chí này có 5/5 mục được sinh viên đánh giá tốt từ 3,9/5-4,3/5 điểm. Cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ dạy và học của nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của sinh viên. Trong những năm qua nhà trường đã có những cải tiến, đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng và trang thiết

bị phục vụ dạy và học. Để nâng cao hơn nữa về chất lượng nhà trường cần nâng cấp,sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt các khu KTX có nhiều cặn vôi, bổ sung thêm các thùng rác khu công cộng và ghế đá quanh khuân viên trường, đề xuất lắp thêm bóng điện ra khu tập kết rác, chỗ để xe của sinh viên nên có mái che, hệ thống đèn chiếu sáng ở các phòng học không đáp ứng đủ ánh sáng.

+ *Về công tác tài chính:* Kết quả khảo sát 2/2 tiêu chí được sinh viên đánh giá từ 4,2/5 - 4,3/5 điểm. Công tác thu chi tài chính rõ ràng, chính xác không có vấn đề gì xảy ra.

+ *Về đội ngũ CBQL,NV và KTV của trường*: Kết quả khảo sát 6/6 tiêu chí được sinh viên đánh giá tốt đạt số điểm từ 4,2 - 4,3/5 điểm. Đội ngũ CBQL,NV luôn có thái độ hòa nhã, nghiêm túc giải quyết công việc nhanh chóng đúng thủ tục tạo điều kiện thuận lợi khi sinh viên đến các phòng làm việc.

+ *Đánh giá chung về khóa học:* Kết quả khảo sát 3/3 tiêu chí của lĩnh vực được sinh viên đồng đánh giá tốt từ 4,3/5 điểm. Nhìn chung sau 4 năm học tập các em đã được rèn luyện đầy đủ những kiến thức và kỹ năng, giúp các em trưởng thành là hành trang bước vào cuộc sống mới.

Có 85,5% sinh viên trước khi tốt nghiệp đã tham gia lấy ý kiến khảo sát toàn khóa học. Cũng có một số sinh viên chưa có ý thức tham gia phối hợp lấy phiếu.

2.2. Tỷ lệ đánh giá hài lòng

Kết quả khảo sát tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên được lấy ý kiến phản hồi đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp đạt tỷ lệ từ 71,58% - 91,58 % của các lĩnh vực cụ thể như sau:

a) Chương trình đào tạo (gồm 7 tiêu chí);

Tiêu chí này được sinh viên đánh giá ở mức rất tốt trở nên dao động từ 85,26% - 89,47%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên chỉ ở mức từ 2,11% - 12,63%; ở mức yếu sinh viên đánh giá 1,05% có tiêu chí sau: *Mức độ phù hợp của nội dung chương trình đào tạo với các chuẩn đầu ra; Mức độ gắn kết giữa các khối kiến thức và kiến thức thực tế trong nội dung chương trình đào tạo;*

b) Đội ngũ giảng viên (gồm 4 tiêu chí);

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức rất tốt trở lên dao động từ 86,31% - 90,52%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá của sinh viên từ 1,08 % -

11,58%; tiêu chí ở mức yếu sinh viên đánh giá là 1,05% là: *Giảng viên có hướng dẫn sinh viên tự học,sẵn sàng trao đổi về nội dung môn học với sinh viên.*

c) Tổ chức quản lý phục vụ đào tạo (gồm 10 tiêu chí);

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức rất tốt trở lên dao động từ 81,06 % - 92,63 %; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá của sinh viên từ 2,11 % - 13,68 %; Ở mức yếu có các tiêu chí sinh viên đánh giá là 1,05% như sau: *Việc triển khai cho sinh viên đi thực tập gắn liền với thực tiễn tại các cơ quan hợp lý khoa học đạt hiệu quả; Các chế độ chăm sóc sức khỏe, y tế học đường và cải thiện sức khỏe của nhà trường đối với sinh viên; Hoạt động của các tổ chức Đảng/Đoàn/Hội có hiệu quả tác dụng tootstrong học tập và rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống của sinh viên.*

d) Kiểm tra đánh giá (gồm 4 tiêu chí);

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức rất tốt dao động từ 85,26% - 88,17%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên từ 1,08% - 11,70%; Ở tiêu chí này có một số sinh viên đánh giá ở mức yếu là 1,06%: *Các kế hoạch thi, kiểm tra được thông báo rõ ràng kịp thời cho sinh viên;*

e) Cơ sở vật chất (gồm 5 tiêu chí);

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức rất tốt trở lên dao động từ 76,84% - 87,23%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên từ 2,11% - 18,95%; ở mức yếu có tiêu chí sau: *Trang thiết bị phòng thực hành thí nghiệm có đảm bảo chất lượng phục vụ công tác học tập và nghiên cứu khoa học;* sinh viên đánh giá ở mức 1,06%

f) Công tác tài chính (gồm 2 tiêu chí);

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức tốt trở lên dao động từ 82,11% - 86,31%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên từ 12,63 % - 16,84% mức yếu có 2 tiêu chí đánh giá là: *Công tác thu-chi liên quan đến sinh viên của nhà trường được thực hiện công khai, rõ ràng, chính xác và thuận lợi cho sinh viên; Cán bộ nhân viên trong phòng kế hoạch –tài chính có tinh thần và thái độ đúng mực thân thiện trong giải quyết công việc phục vụ sinh viên* đánh giá ở mức 1,05%.

g) Đội ngũ CBQL, NV và KTV của trường (gồm 6 tiêu chí);

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức rất tốt trở lên dao

động từ 81,91% - 87,37%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên từ 2,11% - 14,89%; Ở mức yếu có các tiêu chí đánh giá sau: *Thái độ nghiêm túc nhiệt tình có trách nhiệm khi được yêu cầu giải quyết công việc thuộc phạm vi đảm nhận; Quy trình giải quyết công việc đảm bảo tính khoa học, rõ ràng và đúng quy định; Giải quyết công việc nhanh chóng, kịp thời đảm bảo tốt yêu cầu nghiệp vụ; Mức độ hài lòng của sinh viên về đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên và kỹ thuật viên của trường* còn một số sinh viên đánh giá ở mức 2,11%.

h) Đánh giá chung về khóa học (gồm 3 tiêu chí).

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức rất tốt trở lên dao động từ 86,02% - 87,37%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên chỉ từ 2,11% - 10,75%; Còn ở mức yếu tỷ lệ đánh giá ở tiêu chí *Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của nhà trường* là 2,11%.

Kết quả tổng hợp khảo sát lấy ý kiến phản hồi sinh viên trước khi tốt nghiệp đối với K51 đại học chính quy đã tham gia đầy đủ với 41 tiêu chí của 8 lĩnh vực được lấy ý kiến đánh giá của sinh viên đều nhận được mức đánh giá rất tốt và tỷ lệ đánh giá hài lòng đối với các tiêu chí cụ thể như sau:

+ Ở mức Tốt trở lên tỷ lệ đánh giá hài lòng sinh viên trước tốt nghiệp dao động từ 71,58% - 92,63%. Tỷ lệ đánh giá hài lòng ở từng lĩnh vực cũng đạt từ 80,60 % - 89,15%.

+ Ở mức Khá tỷ lệ đánh giá hài lòng sinh viên trước tốt nghiệp dao động từ 6,32% - 18,95%

+ Ở mức Yếu có 14/41 tiêu chí đánh giá tỷ lệ đánh giá 1,06% - 4,21%.

+ Có 3/41 tiêu chí đạt tỷ lệ đánh giá Kém hơn chiếm 1,05% bao gồm các tiêu chí sau: *Mức độ phù hợp của nội dung chương trình đào tạo với các chuẩn đầu ra; Mức độ gắn kết giữa các khối kiến thức và kiến thức thực tế trong nội dung chương trình đào tạo;Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của nhà trường*

Số liệu được trình bày ở ***(Phụ lục 3).***

3. Đề xuất và kiến nghị

- Đề nghị các khoa chuyên môn thông báo rộng rãi tới toàn thể sinh viên nắm được mục đích của việc khảo sát.

- Đề nghị phòng Quản lý Đào tạo và Công tác sinh viên xem xét các ý kiến

phản hồi đối với chương trình đào tạo điều chỉnh cho chuẩn để phù hợp với từng môn học.

- Nhà trường cần xem xét mở rộng thêm mã ngành để phù hợp với nhu cầu đào tạo xã hội hiện nay.

- Đề nghị Phòng QT-TB xem xét sửa chữa nâng cấp hệ thống bóng đèn, quạt , loa, mix phòng học giảng đường và khu KTX…

- Kết quả khảo sát là cơ sở dữ liệu quan trọng để trường có số liệu báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục quản lý chất lượng báo cáo công tác tuyển sinh, công khai điều kiện ĐBCL có minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị (để biết và t/h);
- Đăng website của Trường;
- Lưu: ĐBCL&TT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG ĐBCL&TT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Lê Học Liêm

Phụ lục 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ SINH VIÊN TRƯỚC TỐT NGHIỆP RA TRƯỜNG NĂM HỌC 2021 - 2022

(kèm theo báo cáo số: /BC-ĐBCL&TT ngày tháng năm 2022)

Lớp	Chương trình đào tạo							Đội ngũ giảng viên				Tổ chức quản lý và phục vụ đào tạo										Kiểm tra đánh giá				Cơ sở vật chất					CT Tài chính		Đội ngũ CBQL,NV và KTV của trường						Đánh giá chung		
	1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	1	2	3	4	1	2	3	4	5	1	2	1	2	3	4	5	6	1	2	3
Điền kinh A	4,4	4,5	4,4	4,3	4,5	4,4	4,3	4,7	4,6	4,6	4,5	4,5	4,4	4,4	4,3	4,6	4,5	4,4	4,5	4,3	4,5	4,3	4,3	4,4	4,4	4,4	4,4	4,2	4,3	4,4	4,4	4,5	4,4	4,5	4,5	4,3	4,3	4,3	4,3	4,3	4,5
Điền kinh B	4,6	4,6	4,6	4,4	4,7	4,4	4,6	4,6	4,5	4,7	4,7	4,7	4,6	4,7	4,7	4,6	4,6	4,6	4,7	4,6	4,6	4,6	4,6	4,6	4,6	4,7	4,6	4,1	4,4	4,0	4,4	4,6	4,4	4,6	4,7	4,3	4,4	4,3	4,3	4,4	4,6
Bóng đá	4,7	4,7	4,3	4,7	4,7	4,7	5,0	5,0	4,3	4,3	5,0	5,0	4,7	4,7	4,7	4,7	5,0	5,0	4,7	4,3	4,3	4,7	4,7	5,0	5,0	5,0	4,3	4,7	4,7	4,0	5,0	4,7	4,7	4,7	5,0	4,7	4,7	4,7	4,7	4,7	4,7
Bóng bàn	3,3	3,8	4,0	3,8	3,5	4,0	3,8	3,8	3,8	3,8	3,5	3,8	3,0	3,5	3,5	3,5	3,8	3,8	3,8	3,3	3,5	3,5	3,5	3,5	3,3	3,5	3,3	3,3	3,5	2,5	3,3	3,5	3,3	3,5	3,5	3,5	3,5	3,8	3,5	3,5	3,3
Thể dục A	4,0	41,	4,3	3,9	4,3	4,1	4,4	4,0	4,1	4,3	4,0	4,4	4,3	4,0	4,1	4,3	4,1	4,1	4,1	4,5	4,5	4,4	4,3	4,3	4,1	4,0	4,0	3,5	3,9	3,6	4,0	4,1	4,0	4,4	4,4	4,1	4,3	4,3	4,0	4,1	4,1
Thể dục B	4,1	4,1	4,1	4,1	4,0	4,0	4,0	4,1	3,8	3,9	4,0	4,0	4,0	4,0	3,6	4,1	4,0	3,9	4,1	4,1	4,0	4,1	3,9	4,0	4,0	3,3	4,1	3,6	4,1	3,8	3,9	4,0	4,0	4,0	4,0	4,0	4,1	4,0	4,1	4,0	4,1
Võ A + B	4,5	4,4	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,4	4,5	4,5	4,5	4,4	4,5	4,4	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5
Bóng chuyền A	5,0	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	5,0	5,0	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8
Bóng chuyền B	3,9	3,4	3,6	4,0	3,6	3,7	3,6	4,0	3,4	3,9	3,6	3,6	3,9	3,7	3,7	3,7	4,1	3,4	3,6	3,6	3,7	3,9	3,6	3,4	3,4	3,4	3,4	3,6	3,6	3,4	3,7	3,7	3,6	3,9	3,9	3,4	4,0	3,7	3,7	3,7	3,7
Bơi A	4,4	4,4	4,4	4,3	4,4	4,3	4,4	4,6	4,6	4,4	4,6	4,4	4,4	4,4	4,3	4,4	4,3	4,3	4,4	4,3	4,4	4,4	4,4	4,3	4,4	4,4	4,4	4,1	4,3	4,6	4,3	4,3	4,3	4,3	4,3	4,3	4,3	4,4	4,6	4,4	4,4
Bơi B	4,3	4,3	4,7	4,4	4,3	4,4	4,7	4,7	4,4	4,7	4,6	4,3	4,6	4,4	4,4	4,7	4,9	4,4	4,9	4,1	4,9	4,4	4,6	4,9	4,4	4,3	4,7	4,1	4,6	4,0	4,6	4,4	4,4	4,4	4,6	4,6	4,9	4,7	4,4	4,7	4,4
Bóng rổ	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	4,7	5,0	5,0	4,7	4,7	4,7	5,0	5,3	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0
Cầu lông	4,4	4,3	4,3	4,4	4,3	4,4	4,3	4,6	4,4	4,6	4,4	4,4	4,3	4,4	4,2	4,2	4,1	4,2	4,5	4,3	4,5	4,3	4,3	4,3	4,2	4,2	4,3	4,2	4,4	3,7	4,2	4,3	4,3	4,4	4,3	4,3	4,5	4,3	4,5	4,5	4,4
Điểm CBT	4,3	4,3	4,4	4,3	4,4	4,3	4,4	4,4	4,3	4,4	4,4	4,4	4,3	4,3	4,3	4,4	4,4	4,3	4,4	4,3	4,3	4,4	4,3	4,4	4,3	4,2	4,2	4,0	4,3	4,0	4,3	4,3	4,2	4,3	4,4	4,3	4,3	4,3	4,3	4,3	4,0

Phụ lục 3

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN TRƯỚC TỐT NGHIỆP RA TRƯỜNG NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	PHẦN NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN	Tỷ lệ %					TLĐGĐT
		Rất tốt	Tốt	Khá	Yếu	*Kém*	
	I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO						
1	Mức độ phù hợp của nội dung chương trình đào tạo với các chuẩn đầu ra	46,32	40,00	11,58	1,05	1,05	86.32
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo đáp ứng ở mức nào với năng lực sinh viên khi tốt nghiệp	42,11	45,26	11,58	1,05	0,00	87.37
3	Tỷ lệ phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành	43,16	46,32	8,42	2,11	0,00	89.48
4	Chương trình đào tạo được thiết kế, tạo điều kiện thuận lợi cho SV lựa chọn theo nhu cầu, nguyên vọng học tập	40,00	45,26	11,58	3,16	0,00	85.26
5	Các môn học trong chương trình đào tạo tích hợp được các kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của ngành đã công bố	45,26	43,16	8,42	3,16	0,00	88.42
6	Mức độ gắn kết giữa các khối kiến thức và kiến thức thực tế trong nội dung chương trình đào tạo	41,05	44,21	12,63	1,05	1,05	85.26
7	Sinh viên hiểu rõ được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học cần đạt được	44,21	45,26	9,47	1,05	0,00	89.47
	TLĐG LV						**87.36**
	II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN						
1	Trình độ chuyên môn của giảng viên đáp ứng yêu cầu đào tạo	56,84	33,68	8,42	1,05	0,00	90.52
2	Phương pháp giảng dạy của giảng viên dễ hiểu, phù hợp với sinh viên	49,46	40,86	6,45	1,08	2,15	90.32
3	Giảng viên có hướng dẫn sinh viên tự học, sẵn sàng trao đổi về nội dung môn học với sinh viên	52,63	36,84	7,37	2,11	1,05	89.47

4	Việc thực hiện giờ lên lớp, kế hoạch giảng dạy và khả năng sử dụng các thiết bị hỗ trợ dạy học của giảng viên	48,42	37,89	11,58	2,11	0,00	86.31
	TLĐG LV						**89.15**
	III. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO						
1	Nhà trường cung cấp đầy đủ thông tin về quy chế đào tạo, chương trình đào tạo, quy chế học sinh sinh viên và phương pháp kiểm tra đánh giá từ đầu khóa tới sinh viên.	49,47	36,84	10,53	3,16	0,00	86.31
2	Việc triển khai cho sinh viên đi thực tập gắn liền với thực tiễn tại các cơ quan hợp lý khoa học đạt hiệu quả	46,32	38,95	13,68	1,05	0,00	85.27
3	Cán bộ, nhân viên các phòng/khoa/trung tâm có thái độ phục vụ sinh viên tận tình, thân thiện.	47,37	36,84	10,53	3,16	2,11	84.21
4	Các phòng chức năng giải quyết các thắc mắc kiến nghị của sinh viên, nhanh chóng, thuận lợi, thỏa mãn các yêu cầu	42,11	38,95	12,63	3,16	3,16	81.06
5	Các chế độ chính sách xã hội, học bổng khuyến khích học tập của nhà trường được triển khai tới SV theo đúng quy định.	46,32	45,26	6,32	2,11	0,00	91.58
6	Các chế độ chăm sóc sức khỏe, y tế học đường và cải thiện sức khỏe của nhà trường đối với sinh viên.	49,47	36,84	12,63	1,05	0,00	86.31
7	Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên được thực hiện đầy đủ và có hiệu quả	44,21	42,11	11,58	2,11	0,00	86.32
8	Hoạt động của các tổ chức Đảng/Đoàn/Hội có hiệu quả, tác dụng tốt trong học tập và rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống của sinh viên	52,63	40,00	6,32	1,05	0,00	92.63
9	Các thông tin về hoạt động đào tạo đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên trên website nhà trường.	43,62	44,68	6,38	2,13	3,19	88.30
10	Hàng năm, nhà trường tổ chức có hiệu quả các buổi đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường/ các tổ chức Đoàn/Hội sinh viên.	51,58	37,89	9,47	1,05	0,00	89.47
	TLĐG LV						**87.14**
	IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ						
1	Mức độ đa dạng hóa các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung môn học	45,16	43,01	7,53	1,08	3,23	88.17

2	Tổ chức thi, kiểm tra, chấm bài tập, thực tập, tiểu luận đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng	45,26	40,00	11,58	3,16	0,00	85.26
3	Các kế hoạch thi, kiểm tra được thông báo rõ ràng, kịp thời cho sinh viên	43,62	43,62	11,70	1,06	0,00	87.24
4	Kết quả học tập của SV được thông báo kịp thời tới SV	42,55	43,62	10,64	1,06	2,13	86.17
	TLĐG LV						**86.71**
	V. CƠ SỞ VẬT CHẤT						
1	Cơ sở vật chất nhà trường (giảng đường, bàn ghế, phương tiện nghe nhìn dùng cho việc học, sân vận động, chỗ gửi xe)	43,16	37,89	14,74	2,11	2,11	81.05
2	Trang thiết bị phòng thực hành thí nghiệm có đảm bảo chất lượng phục vụ công tác học tập và nghiên cứu khoa học	39,36	47,87	11,70	1,06	0,00	87.23
3	Cơ sở vật chất ký túc xá đáp ứng tốt cho sinh viên nội trú	37,89	38,95	11,58	4,21	7,37	76.84
4	Cảnh quan vệ sinh môi trường sạch đẹp	43,16	43,16	11,58	2,11	0,00	86.32
5	Căng tin trong trường phục vụ tốt nhu cầu ăn uống của sinh viên	32,63	38,95	18,95	2,11	7,37	71.58
	TLĐG LV						**80.60**
	VI. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH						
1	Công tác thu - chi tài chính liên quan đến sinh viên của nhà trường được thực hiện công khai, rõ ràng, chính xác và thuận lợi cho sinh viên	43,16	38,95	16,84	1,05	0,00	82.11
2	Cán bộ, nhân viên trong phòng Kế hoạch – Tài chính có tinh thần và thái độ đúng mực, thân thiện trong giải quyết công việc phục vụ sinh viên.	45,26	41,05	12,63	1,05	0,00	86.31
	TLĐG LV						**84.21**
	VII.ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN VÀ KỸ THUẬT VIÊN CỦA TRƯỜNG						
1	Thái độ nghiêm túc, nhiệt tình và có trách nhiệm khi được yêu cầu giải quyết công việc thuộc phạm vi đảm nhận	43,16	43,16	7,37	4,21	2,11	86.32
2	Thái độ phục vụ khi được yêu cầu giải quyết công việc thuộc phạm vi trách nhiệm (vui vẻ, thân thiện, nhiệt tình)	46,81	40,43	8,51	1,06	3,19	87.24
3	Quy trình giải quyết công việc đảm bảo tính khoa học, rõ ràng và đúng quy định	48,42	38,95	9,47	1,05	2,11	87.37

4	Giải quyết công việc nhanh chóng, kịp thời đảm bảo tốt yêu cầu nghiệp vụ	42,55	39,36	14,89	3,19	0,00	81.91
5	Luôn tạo điều kiện thuận lợi khi đến làm việc tại Phòng	48,42	37,89	11,58	2,11	0,00	86.31
6	Mức độ hài lòng của Sinh viên về đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên và kỹ thuật viên của Trường	47,37	36,84	12,63	1,05	2,11	84.21
	TLĐG LV						**85.56**
	VIII. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KHÓA HỌC						
1	Sinh viên được cung cấp đủ những kiến thức và các kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	47,37	38,95	9,47	2,11	2,11	86.32
2	Mức độ tự tin về kiến thức, kỹ năng của sinh viên khi tốt nghiệp	45,26	42,11	10,53	2,11	0,00	87.37
3	Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của nhà trường	46,24	39,78	10,75	2,15	1,08	86.02
	TLĐG LV						**86.57**

* Ghi chú:

- TLĐGĐT: là Tỷ lệ đánh giá đối tượng: Đánh giá từ mức tốt và rất tốt/số phiếu trả lời
- TLĐGLV: là Tỷ lệ đánh giá lĩnh vực/ Tỷ lệ đánh giá đối tượng

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Học Liêm

Người lập

Nguyễn Thị Hiền